TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: ……/2023/KDTM-PT

Ngày: 27/12/2023

V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng- Kiểm sát viên

Ngày 27/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 239/2023/TLPT-KDTM ngày 16/11/2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2023/KDTM ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 776/2023/QĐ-PT ngày 21/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH B

Địa chỉ: Số A đường K, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công D, Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Quang C, ông Nguyễn Thụy C1, bà Hoàng Phương L (theo Giấy ủy quyền ngày 17/5/2022). Ông C1 và bà L có mặt.

Địa chỉ liên hệ: P409, tòa nhà T, số E T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Công ty cổ phần X

Địa chỉ: A, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn N, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H, Chức vụ: Tổng Giám đốc (theo Giấy ủy quyền số 159/UQ-CT ngày 16/12/2021); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/3/2015, Công ty TNHH B (viết tắt là Công ty B) và Công ty cổ phần X (viết tắt là Công ty X) ký Hợp đồng kinh tế số 01/2015/HĐ-HSC, theo đó Công ty B cung cấp cho Công ty X số lượng gạch lát nền với tổng giá trị là 2.217.357.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty X đã thanh toán cho Công ty B số tiền là 514.080.000 đồng. Ngày 09/10/2015, sau khi thực hiện bàn giao xong toàn bộ hàng hóa theo số lượng và chất lượng đã thỏa thuận, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, số tiền Công ty X chưa thanh toán là 1.703.277.000 đồng. Ngày 12/01/2016, Công ty X thanh toán thêm 200.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 1.503.277.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Công ty B nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng Công ty X lấy lý do chưa được Chủ đầu tư quyết toán nên chưa có nguồn tiền để thanh toán.

Về chất lượng hàng hóa, Công ty TNHH B giao nhận đủ hàng hóa theo chất lượng mà hai bên cam kết, công trình đã được nghiệm thu, Chủ đầu tư đã quyết toán cho Bị đơn, Bị đơn không có phản hồi về chất lượng, không yêu cầu Nguyên đơn đổi hàng hóa kém chất lượng, Bị đơn đã sử dụng hết số lượng hàng hóa Nguyên đơn đã giao.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 1.503.277.000 đồng, không yêu cầu bị đơn trả lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán.

Bị đơn trình bày:

Về thẩm quyền giải quyết vụ việc: Ngày 30/03/2015, Công ty cổ phần X có ký Hợp đồng kinh tế số 01/2015/HĐ-HSC với Công ty TNHH B về việc cung cấp gạch bê tông cường độ cao cho công trình Trung tâm văn hóa thể thao thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Theo đó, tại Điều 7.3 của Hợp đồng nêu trên có ghi rõ như sau: *"Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu hai bên không tự giải quyết được bằng thương lượng sẽ chuyển đến Tòa án kinh tế tỉnh Bắc Ninh để giải quyết"*. Vì vậy, Công ty X cho rằng Tòa án nhân dân quận Tây Hồ thụ lý giải quyết vụ án là chưa đúng thẩm quyền.

Về nội dung vụ việc: Theo đơn khởi kiện, Công ty B yêu cầu Công ty X thanh toán số tiền còn thiếu là 1.503.277.000 đồng. Việc xác nhận số tiền còn nợ nêu trên dựa trên Biên bản đối chiếu khối lượng ngày 15/09/2015 và Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 09/10/2015. Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn có ý kiến như sau:

- Tại Biên bản đối chiếu khối lượng ngày 15/09/2015, ông Nguyễn Việt H1 (Phó Trưởng phòng Phòng Kế toán tài chính Công ty cổ phần X) đã ghi chú: *"Số lượng khớp với các biên bản giao nhận giữa đơn vị cung cấp và công trường, Phòng không xác nhận về chất lượng. Đề nghị đội xây dựng số 2 và Chỉ huy trưởng công trường có đánh giá về chất lượng"*. Như vậy, tại Biên bản này đã xác định rõ chỉ đủ về mặt số lượng mà không

xác định chất lượng. Do đó, việc yêu cầu thanh toán số tiền tương ứng với số gạch đã nhận ở công trường là không có căn cứ.

- Tại Biên bản ngày 09/10/2015 do Công ty B soạn, đại diện của Công ty X có ký và đóng dấu, nội dung Biên bản có ghi: Tổng số tiền mà Công ty X còn phải thanh toán cho Công ty B là 1.503.277.000 đồng. Tuy nhiên, tại phần dưới Biên bản, cán bộ kỹ thuật Công ty X đã có ý kiến và ghi chú: *"Khối lượng có đầy đủ biên bản giao nhận, chất lượng không đạt, bị vỡ nhiều, khối lượng và giá trị quyết toán cuối cùng sẽ căn cứ vào khối lượng quyết toán với Chủ đầu tư"*. Như vậy, Biên bản này cũng không xác nhận về chất lượng của vật liệu mà Nguyên đơn cung cấp nên không thể lấy giá trị số lượng giao nhận tại công trường để thanh toán.

Sản phẩm gạch của Công ty B cung cấp không đảm bảo chất lượng, bị vỡ rất nhiều, không có chứng chỉ xuất xứ, không có đầy đủ chứng chỉ chất lượng sản phẩm và không đạt cường độ chịu nén tối thiểu là 50Mpa nên Công ty X đã không sử dụng hoặc sử dụng rất ít loại gạch kém chất lượng này. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nêu trên là không có căn cứ.

Theo Hợp đồng kinh tế số 01/2015/HD-HSC ngày 30/03/2015, tại khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng, Công ty X chỉ thanh toán cho Công ty B khi có đầy đủ và toàn bộ các hồ sơ sau: Hợp đồng kinh tế (Bản photo), Hóa đơn giá trị gia tăng, Biên bản giao nhận, Biên bản đối chiếu công nợ, Chứng chỉ xuất xứ, Chứng chỉ chất lượng sản phẩm, Công văn đề nghị thanh toán. Tuy nhiên, Công ty B chưa bao giờ cung cấp đầy đủ hồ sơ như quy định nêu trên. Các sản phẩm mà bên Nguyên đơn cung cấp không đảm bảo chất lượng, không có chứng chỉ xuất xứ, không có đầy đủ chứng chỉ chất lượng sản phẩm, không có đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng nên Bị đơn không có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn đối với các sản phẩm kém chất lượng nói trên.

Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng kinh tế số 01/2015/HĐ-HSC ký ngày 30/03/2015 và có hiệu lực 06 tháng nếu hai bên không gia hạn hợp đồng. Hợp đồng đã hết hiệu lực vào ngày 30/09/2015. Nếu Nguyên đơn cho rằng Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của Hợp đồng, Nguyên đơn có thể khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng trong thời hạn 02 năm theo Điều 427 Bộ luật dân sự 2005, đề nghị Tòa án xem xét áp thời hiệu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩmsố 17/2023/KDTM ngày 04/7/2023, Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B, buộc Công ty cổ phần X phải trả số tiền nợ gốc theo hợp đồng số 01/2015/HĐ-HSC ngày 30/3/2015 là 1.503.277.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B đối với Công ty cổ phần X về việc yêu cầu Công ty cổ phần X trả tiền lãi.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày Công ty cổ phần X có đơn kháng cáo với lý do:

- HĐXX đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: các Hội thẩm nhân dân đã tham gia xét xử các vụ án trước đó mà Công ty Xông Hồng là bị đơn. Hội thẩm nhân dân thiếu kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực xây dựng, không vô tư, khách quan trong quyết định của mình để HĐXX ra phán quyết thiếu khách quan.

- Chủ toạ phiên toà không chấp nhận yêu cầu thay đổi Hội thẩm nhân dân mà không nêu lý do.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn không cung cấp chứng chỉ xuất xứ hàng hoá, chứng chỉ chất lượng sản phẩm, kết quả thí nghiệm vật liệu chứng minh độ chịu nén của các loại gạch đạt tối thiểu 50Mpa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của bị đơn không hợp lệ. Trong giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của bị đơn không có nội dung người nhận uỷ quyền được ký đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Vì vậy đề nghị HĐXX không xem xét đơn kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

+ **Thẩm quyền giải quyết:** Theo quy định tại điều 7.3 hợp đồng kinh tế số 01/2015/HĐ-HSC các bên thoả thuận: "Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, hai bên không tự giải quyết được bằng thương lượng sẽ chuyển đến Toà án kinh tế tỉnh Bắc Ninh để giải quyết". Ở đây các bên lựa chọn Toà án giải quyết là TAND cấp tỉnh là không đúng quy định tại điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 (nay là điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015) bởi đây là Quan hệ mua bán hàng hoá. Thẩm quyền giải quyết thuộc TAND cấp huyện.

Trong vụ án này, các đương sự thỏa thuận Tòa án cấp tỉnh giải quyết nên không được chấp nhận vì không đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn có trụ sở tại quận T, do đó TAND quận Tây Hồ thụ lý để giải quyết là đúng thẩm quyền.

+ **Về việc ký đơn kháng cáo:** Tại Giấy uỷ quyền số 159/UQ-CT ngày 16/12/2021 ông Phạm Văn N (Chủ tịch HĐQT) – người đại diện theo pháp luật của bị đơn uỷ quyền cho ông Nguyễn Đức H (Tổng Giám đốc) với nội dung: *ông Nguyễn Đức H thay mặt Người đại diện pháp luật của Công ty cổ phần X tham gia tố tụng trong tất cả các vụ việc*

tranh chấp liên quan đến Công ty cổ phần X tại các cấp Toà án…Ông Nguyễn Đức H được quyết định toàn bộ các vấn đề, ký các văn bản để giải quyết vụ án tại các giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm, thi hành án.

Theo đơn kháng cáo của bị đơn do ông Nguyễn Đức H ký ngày 7/7/2023 gửi Toà án nhân dân quận Tây Hồ. Tại công văn số 102/CV-SH1 ngày 04/8/2023 ông Nguyễn Đức H có ý kiến về việc ngày 10/7/2023 TAND quận Tây Hồ có thông báo số 11,12,13, 242 yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo với lý do người ký đơn kháng cáo không đúng thẩm quyền. Tuy nhiên ông Nguyễn Đức H xác định ông ký đơn kháng cáo là đúng thẩm quyền theo giấy uỷ quyền số 159/UQ-CT ngày 16/12/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

HĐXX thấy rằng: Theo quy định tại khoản 6 điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về việc người uỷ quyền ký đơn kháng cáo như sau: *Việc uỷ quyền quy định tại các khoản 3,4 và 5 Điều này phải được làm thành văn bản có công chứng, chứng thực hợp pháp….* ***Trong văn bản uỷ quyền phải có nội dung đương sự uỷ quyền cho người đại diện theo uỷ quyền kháng cáo bản án****, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Toà án cấp sơ thẩm.*

Giấy uỷ quyền số 159/UQ-CT ngày 16/12/2021 không có nội dung người nhận uỷ quyền được kháng cáo bản án sơ thẩm. Theo quy định khoản 6 điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của Công ty cổ phần X do ông Nguyễn Đức H ký là không hợp lệ nên không được chấp nhận xem xét. Căn cứ khoản 5 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn do người kháng cáo không có quyền kháng cáo.

Kháng cáo của bị đơn không được xem xét nên được trả lại án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 30, 35, 272, 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần X.

2. Giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2023/KDTM-ST ngày 04/7/2023 của Toà án nhân dân quận Tây Hồ.

3. Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần X không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm. Hoàn trả Công ty cổ phần X số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0033343 ngày 31/08/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có Hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thuý Linh

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- TAND quận Tây Hồ;
- VKSND quận Tây Hồ;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Tây Hồ;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.